

Đơn vị: TTYT Hoài Nhơn
Mã QHNS: 1047707

Mẫu số: C02 - HD

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG
CÁC KHOẢN TRÍCH NỢP THEO LƯƠNG (2.340.000)

Tháng 11 năm 2025

(Kèm theo thông báo số: /TB-TTHN ngày tháng 11 năm 2025)

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Mã ngạch	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Phụ cấp độc hại	% Phụ cấp TNVK	Phụ cấp TNVK	% PCƯĐ N	Phụ cấp Ưu đãi nghề	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	Nghỉ việc không được hưởng lương và các khoản PC	BHXH	BHYT	BHTN	Số thực lĩnh	Ghi chú
													Trừ vào lương (8%)	Trừ vào lương (1,5%)	Trừ vào lương (1%)		
A	B	C	1	2	6	8	9	10	11	12	13	18	20	22	24	26	D
1	Trần Quang Hải	V.08.01.02	5,76	0,4	0,2			60%	3,70	10,06	23.531.040	101.739	1.153.152	216.216	144.144	21.915.788	P 5 ngày
2	Nguyễn Tam Hùng	V.08.03.07	4,06		0,2	15%	0,61	60%	2,80	7,67	17.948.736	0	874.037	163.882	109.255	16.801.562	
3	Trần Văn Bé	V.08.03.07	4,06			10%	0,41	40%	1,79	6,25	14.630.616	0	836.035	156.757	104.504	13.533.320	Tăng PCTNVK
4	Phạm Văn Khương	V.08.01.03	4,65				0,00	40%	1,86	6,51	15.233.400	0	870.480	163.215	108.810	14.090.895	
5	Nguyễn Thị Tuyết Lan	V.08.04.10	3,66				0,00	40%	1,46	5,12	11.990.160	0	685.152	128.466	85.644	11.090.898	
6	Võ Văn Minh	V.08.04.10	3,99		0,2		0,00	60%	2,39	6,58	15.406.560	40.696	746.928	140.049	93.366	14.385.521	P 2 ngày
7	Lâm Thị Thiệt	V.08.05.13	3,96		0,2		0,00	60%	2,38	6,54	15.294.240	10.174	741.312	138.996	92.664	14.311.094	P 0,5 ngày
8	Nguyễn Thị Hương	V.05.02.08	3,65				0,00	0%	0,00	3,65	8.541.000	0	683.280	128.115	85.410	7.644.195	
9	Huỳnh Thị Bông	V.08.03.07	2,66		0,2		0,00	60%	1,60	4,46	10.427.040	30.522	497.952	93.366	62.244	9.742.956	P 1,5 ngày
10	Nguyễn Thanh Hậu	V.08.04.10	2,67		0,2		0,00	60%	1,60	4,47	10.464.480	20.348	499.824	93.717	62.478	9.788.113	P 1 ngày
11	Trương Viết Nhân	V.08.01.03	3,00	0,3	0,2		0,00	60%	1,98	5,48	12.823.200	172.957	617.760	115.830	77.220	11.839.434	P 5 ngày, Th 3,5 ngày
12	Trần Thị Yến	V.08.02.06	3,00		0,4		0,00	70%	2,10	5,50	12.870.000	0	561.600	105.300	70.200	12.132.900	
13	Trương Thị Linh Huệ	V.08.06.16	2,86				0,00	40%	1,14	4,00	9.369.360	0	535.392	100.386	66.924	8.666.658	
14	Nguyễn Thị Bích Nga	V08.05.12	3,66				0,00	40%	1,46	5,12	11.990.160	0	685.152	128.466	85.644	11.090.898	
15	Cao Văn Cảnh	V08.05.13	3,03		0,2		0,00	60%	1,82	5,05	11.812.320	0	567.216	106.353	70.902	11.067.849	
16	Hứa Thị Thanh	V.08.02.06	2,67		0,4		0,00	70%	1,87	4,94	11.557.260	81.391	499.824	93.717	62.478	10.819.850	Th 2 ngày
17	Nguyễn Thị Út Linh	V.08.05.12	3,33				0,00	40%	1,33	4,66	10.909.080	0	623.376	116.883	77.922	10.090.899	
18	Trần Thị Ánh Tuyết	V08.05.12	2,34				0,00	40%	0,94	3,28	7.665.840	0	438.048	82.134	54.756	7.090.902	
19	Nguyễn Thị Hồng	V.08.05.12	2,34				0,00	40%	0,94	3,28	7.665.840	0	438.048	82.134	54.756	7.090.902	
20	Nguyễn Văn Thi	V.08.04.10	2,34				0,00	40%	0,94	3,28	7.665.840	0	438.048	82.134	54.756	7.090.902	
21	Trần Thị Hồng Nữ	V.08.03.07	2,86				0,00	40%	1,14	4,00	9.369.360	0	535.392	100.386	66.924	8.666.658	
	Tổng cộng		70,55	0,7	2,4		1,02		35,23	109,90	257.165.532	457.827	13.528.008	2.536.502	1.691.001	238.952.194	

Tổng số tiền bằng chữ : Hai trăm ba mươi tám triệu chín trăm năm mươi hai nghìn một trăm chín mươi bốn đồng chẵn.